TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DSST
Ngày: 25/11/2019
"*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Trần Thị Ngoan
2/ Ông Hoàng Đình Ngân
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp dân sự "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Minh H - sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Số 283, đường ĐBP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thu N - sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Minh H trình bày: Vào ngày 15/5/2019, chị Võ Thị Thu N có mượn của bà số tiền là 66.327.000 đồng, có giấy mượn tiền hứa mỗi tháng trả 5.000.000đ, nhưng đến nay chị N chưa trả tiền cho bà, nay bà yêu cầu chị N trả cho bà số tiền 66.327.000 đồng và lãi suất, nhưng chị N xin bớt tiền lãi nên bà đồng ý bớt tiền lãi cho chị N, bà yêu cầu chị N trả cho bà số tiền 66.327.000 đồng vốn, không tính lãi.

Đối với bị đơn là bà Võ Thị Thu N, Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng bà N không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, đến ngày

23/10/2019 bà N có bản tự khai trình bày: Bà thừa nhận còn nợ bà H số tiền 66.327.000 đồng, bà có hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, nhưng bà chưa thực hiện được nay bà đồng ý trả cho bà H theo cam kết mỗi tháng 3.000.000 đồng, ngoài ra bà N không đến dự phiên họp và tham gia hòa giải cũng như phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 66.327.000 đồng vốn, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đinh Thị Minh H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Võ Thị Thu N là bị đơn, Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà N vắng mặt không có lý do, phiên tòa được đưa ra xét xử lần thứ hai, nên căn cứ vào Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Bà H yêu cầu bà N trả số tiền 66.327.000 đồng vốn, không tính lãi. Thấy rằng: Giao dịch giữa bà H với bà N là có thật, thể hiện ngày 15/5/2019 bà N mượn của bà H số tiền 66.327.000 đồng có giấy nhận nợ, hẹn trả mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng, nhưng bà N không thực hiện như đã hứa.

[3]. Đối với bà Võ Thị Thu N thừa nhận còn nợ bà H số tiền 66.327.000 đồng, theo bà N bà có hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, nhưng bà N không thực hiện. Nên việc hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng hay 5.000.000 đồng nhưng bà N cũng không thực hiện, bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 66.327.000 đồng vốn, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với những tình tiết nêu trên.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.316.350 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp dân sự "Hợp đồng vay tài sản" của Bà Đinh Thị Minh H đối với bà Võ Thị Thu N.

2. Buộc bà Võ Thị Thu N có nghĩa vụ trả cho Bà Đinh Thị Minh H số tiền 66.327.000 đồng vốn.

Ghi nhận bà Định Thị Minh H không yêu cầu tính lãi.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí: Bà Võ Thị Thu N phải chịu 3.316.350 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh TN hoàn trả cho Bà Đinh Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.658.000 đồng theo biên lai thu số 0006162 ngày 06/8/2019.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT và Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh TN.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thinh